TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2025.

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Thạch Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Hồ

2. Ông Nguyễn Văn Vân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Quang Thị Thùy Ly – Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1044/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Kim N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số G Đường G, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1989;

Nơi thường trú: Số B Tỉnh lộ 7, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn V tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2016 ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại nhà chồng ở ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ

Chí Minh. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc, hòa thuận nhưng một thời gian sau thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông V thường xuyên xúc phạm bà vì những lý do vô cớ, không tôn trọng bà và gia đình. Từ năm 2019, bà và ông V ly thân, bà về nhà mẹ đẻ tại địa chỉ số G Đường G, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân hơn 04 năm, bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Gia đình hai bên nội ngoại có khuyên bảo, động viên nhưng không có kết quả. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn V.

Về con chung: Bà N xác định không có.

Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Bà N xác định không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Huỳnh Văn V các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông V.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Dương Thị Kim N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn V; về con chung: Bà N xác định không có; về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Bà N xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Căn cứ Trích lục kết hôn (Bản sao) số 107 ngày 05/3/2024 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thể hiện ông V và bà N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn thể hiện sau khi kết hôn, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn.

Xét thấy, bà N và ông V đã không chung sống với nhau, nay bà N xác định tình cảm đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

Về phía ông V, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, thể hiện ông V không có thiện chí muốn hàn gắn. Do đó, yêu cầu của bà N có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Không.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2024, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về tống đạt, xét xử vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Văn V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Dương Thị Kim N và ông Huỳnh Văn V tự nguyện chung sống năm 2016, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2016 ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà N, bà và ông V kết hôn, chung sống với nhau từ năm 2016. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông V thường xuyên xúc phạm bà vì những lý do vô cớ, không tôn trọng bà và gia đình. Do đó, bà N đã về nhà mẹ ruột sống từ năm 2019 đến nay. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Xét ông V không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho thấy ông V không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ do bà N cung cấp để giải quyết vụ án. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông V là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Bà N xác định không có.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Huỳnh Văn V vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông V có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Kim N được ly hôn với ông Huỳnh Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2016 ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà N và ông V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Dương Thị Kim N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0016175 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thạch Vũ